

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2021/QĐHG-DS

H, ngày 01 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

Căn cứ Điều 612, 613, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 13 tháng 8 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” giữa:

Người khởi kiện: Ông Lường Hữu M, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tiểu khu Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện: Ông Lường Hữu Y, sinh năm 1955

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị T1, sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

(Bà Hà Thị T1 ủy quyền cho ông Lường Hữu Y tham gia tố tụng)

2. Bà Lường Thị L, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

3. Bà Lường Thị C, sinh năm 1951

Địa chỉ: Làng I, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

4. Bà Lường Thị Ch, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 3, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

5. Bà Trương Thị Th, sinh năm 1958

6. Anh Lường Hữu P, sinh năm 1978

7. Chị Lường Thị L2

8. Chị Lường Thị L3

Đều ở địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, Thanh Hóa

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do A giải viên chuyển sang Tòa án ngày 16 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến khác về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

Người khởi kiện: Ông Lường Hữu M, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tiểu khu Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện: Ông Lường Hữu Y, sinh năm 1955

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị T1, sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

(Bà Hà Thị T1 ủy quyền cho ông Lường Hữu Y tham gia tố tụng)

2. Bà Lường Thị L, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

3. Bà Lường Thị C, sinh năm 1951

Địa chỉ: Làng I, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

4. Bà Lường Thị Ch, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 3, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

5. Bà Trương Thị Th, sinh năm 1958

6. Anh Lường Hữu P, sinh năm 1978

7. Chị Lường Thị L2

8. Chị Lường Thị L3

Đều ở địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, Thanh Hóa

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

2.1. Về di sản thừa kế:

Cụ Lường Hữu R (chết tháng 9 năm 1991) và cụ Lê Thị S (chết tháng 02 năm 1995) sinh được 06 người con là Lường Hữu Y, sinh năm 1955, Lường Hữu A, sinh năm

1957 (chết năm 2018, có vợ là Trương Thị Th, sinh năm 1958 và 03 con là Lường Hữu P, Lường Thị L2 và Lường Thị L3); Lường Hữu M, sinh năm 1958, Lường Thị C, sinh năm 1951, Lường Thị Ch, sinh năm 1968 và Lường Thị L, sinh năm 1950.

Khi chết, cụ Lường Hữu R và cụ Lê Thị S để lại di sản thừa kế là thửa đất số 367, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299/TTg, diện tích 418,0 m², tên chủ sử dụng: L R, tương ứng thửa số 159, tờ bản đồ số 08, diện tích 645,0 m², tên chủ sử dụng: ông Lường Hữu Y. Theo bản đồ đo đạc năm 2015 tương ứng thửa 89, tờ bản đồ số 31, diện tích 533,4 m², tại thôn L, xã T, huyện H, hiện Y gia đình ông Lường Hữu Y đang sử dụng. Khi chết, cụ R và cụ S không để lại di chúc hợp pháp

Năm 2006 ông Lường Hữu Y đã tự ý làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, đứng tên chủ sử dụng là ông Lường Hữu Y và bà Hà Thị T1, không được các anh chị em đồng ý.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2021 thể hiện: Tổng diện tích đất số 367, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299/TTg, tên chủ sử dụng: L R, tương ứng thửa số 159, tờ bản đồ số 08 bản đồ địa chính xã T, có diện tích thực tế là 533,4 m².

Phía Đông: Gồm 02 đoạn: dài 11,1 m (giáp hộ bà Hoàng Thị Q) + 4,17m (giáp hộ bà Trương Thị Th).

Phía Tây: Gồm 02 đoạn: dài 12,8 m (giáp đường huyện lộ DH-HH 24) + 6,8 m (giáp hộ Trương Phú O);

Phía Nam: Gồm 02 đoạn: dài 21,47 m (giáp hộ Nguyễn Thị X) + 18,5m (giáp hộ Trương Phú O);

Phía Bắc: Giáp hộ nhà bà Trương Thị Th, gồm hai đoạn dài 28,5 m + 10,15 m

Các đương Q thống nhất không có tranh chấp gì với các hộ liền kề, thống nhất chia di sản thừa kế theo diện tích đất thực tế đo đạc; thống nhất thửa đất trên là di sản thừa kế do cụ Lường Hữu R và cụ Lê Thị S để lại.

Bà Trương Thị Th và 03 con là Lường Hữu P, Lường Thị L2 và Lường Thị L3, bà Lường Thị C, bà Lường Thị Ch và bà Lường Thị L từ chối không nhận kỷ phần di sản thừa kế trong thửa đất nêu trên, chỉ để cho ông Lường Hữu M và ông Lường Hữu Y được hưởng.

2.2. Về nội dung phân chia di sản thừa kế:

Các đương sự có mặt là bà Lường Thị C, bà Lường Thị Ch, bà Lường Thị L, ông Lường Hữu M và ông Lường Hữu Y cùng nhau thỏa thuận:

2.2.1. Ông M được nhận phần di sản thừa kế là một phần diện tích thửa đất số 367,

tờ bản đồ số 02, bản đồ 299/TTg, diện tích 418,0 m², tương ứng thửa số 159, tờ bản đồ số 08, diện tích 645,0 m², theo bản đồ đo đạc năm 2015 tương ứng thửa 89, tờ bản đồ số 31, diện tích 533,4 m², tại thôn L, xã T, huyện H. Phần diện tích đất ông M được chia là 135 m², tứ cận giáp ranh cụ thể:

- Phía Đông: dài 05 mét, giáp phần đất chia cho ông Lường Hữu Y;
- Phía Tây: dài 05 mét, giáp đường huyện lộ DH-HH 24 (mốc giới xác định cách móng tường hộ bà Trương Thị Th 20 cm do trừ phần đất nước mái chảy cho hộ bà Th);
- Phía Nam: dài 27 mét, giáp phần đất chia cho ông Lường Hữu Y;
- Phía Bắc: dài 27 mét, giáp phần đất hộ bà Trương Thị Th;

2.2.2. Ông Lường Hữu Y được quyền sử dụng phần đất còn lại của thửa đất, có diện tích 395,4 m², cụ thể tứ cận giáp ranh:

- Phía Đông: gồm 02 đoạn: dài 4,17 m (giáp hộ Trương Thị Th) + 11,1 m (giáp hộ Hoàng Thị Q);
- Phía Tây: gồm 03 đoạn: dài 6,8 m (giáp hộ Trương Phú O) + 7,8 m (giáp đường huyện lộ DH-HH 24) + 5 m (giáp phần đất chia cho ông Lường Hữu M);
- Phía Nam: gồm 02 đoạn: 21,47 m (giáp hộ Nguyễn Thị X) + 18,5 m (giáp hộ Trương Phú O);
- Phía Bắc: gồm 03 đoạn: dài 27 m (giáp phần đất chia cho ông Lường Hữu M) + 1,5 m + 10,15 m (đều giáp đất hộ Trương Thị Th);

(Có sơ đồ kèm theo và sơ đồ này là một phần không thể tách rời của Quyết định).

2.2.3. Về công trình trên đất:

Ông Lường Hữu M được sở hữu phần móng nhà của ông đang xây dở nằm trên phần đất ông được chia.

Đối với hai gian nhà bằng hiện tại ông Lường Hữu Y đang ở nằm về phía Đông phần đất ông M được chia, tất cả các đương sự thỏa thuận thống nhất: Ông Lường Hữu Y và vợ là bà Hà Thị T1 tiếp tục được sống trong gian nhà này cho đến chết. Sau khi ông Y và bà T1 chết, phần nhà này sẽ là nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, không ai được cản trở.

Gia đình ông Lường Hữu Y được quyền sở hữu hai khu phần nhà và công trình do gia đình ông xây dựng nằm trên phần đất ông Y được chia.

Ông Lường Hữu M và ông Lường Hữu Y có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất được chia theo nội dung Quyết định này.

Các đương sự vắng mặt là bà Trương Thị Th và 03 con là Lường Hữu P, Lường Thị L2 và Lường Thị L3 đều có văn bản ý kiến là không có ý kiến gì về việc thỏa thuận của anh chị em. Sau khi nhận được kết quả A giải đều không có ý kiến gì khác.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc hội, đương sự không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- VKSND h. H;
- CQ THADS h. H;
- Các bên DS;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú